

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 9 - 2024

(V/v: Tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Bá Tấn - bà Đồng Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Bá Kiên - Chức vụ: Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:

Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số: 301/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoàng T, sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: xóm C, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vĩnh Q, sinh năm 1993. Vắng mặt lần thứ 2

Địa chỉ: xóm C, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Vĩnh Q kết hôn vào ngày 31/12/2015 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không phù hợp, vợ chồng không thương yêu nhau quý trọng nhau. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Vĩnh Q.

-Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Vĩnh Gia H, sinh ngày 18/9/2016 và Nguyễn Vĩnh Quốc D, sinh ngày 02/6/2019. Nếu Tòa giải quyết ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu anh Q

cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

+/Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt thông báo hợp lệ cho anh Q qua người thân có cùng nơi cư trú là ông Nguyễn Vĩnh K (bố đẻ anh Q). Ông K cam kết sẽ có trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng cho anh Q. Sau khi xác minh anh Q đã biết nội dung sự việc chị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con, tuy nhiên hiện nay đang đi làm ăn thường xuyên vắng nhà không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật anh Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì;

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 54; 56; khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 1 Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của chị T Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh Q có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn anh Nguyễn Vĩnh Q vắng mặt lần thứ 2, do đó căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Vĩnh Q.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoàng T và anh Nguyễn Vĩnh Q kết hôn vào ngày 31/12/2015 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T, anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo quy định của định pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị T, anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm nhau

dẫn đến rạn nứt tình cảm, hai bên đã sống ly thân. Sau khi thụ lý, Toà án đã triệu tập, thông báo hợp lệ thông qua bố đẻ của anh Q là ông Nguyễn Vĩnh K. Mặc dù anh Q đã biết được nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của chị T, tuy nhiên trong quá trình giải quyết anh Q vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh Q không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình cảm và giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Mặt khác biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã ly thân không thể hàn gắn được.

Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cho chị T được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung. Chị T và anh Q có hai con chung Nguyễn Vĩnh Gia H, sinh ngày 18/9/2016 và Nguyễn Vĩnh Quốc D, sinh ngày 02/6/2019.

Xét chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Q hiện làm công nhân thu nhập trung bình từ 8.000.000 - 10.000.000 đồng/tháng bên cạnh chị còn có cha mẹ, người thân bên ngoại hỗ trợ vật chất cũng như tinh thần nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác từ khi vợ chồng ly thân con chung ở với chị, con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án anh Q vắng mặt không thể hiện nguyện vọng được nuôi con, vì vậy việc giao con cho anh Q sẽ không đảm bảo quyền lợi của con chung. Do đó để tạo điều kiện tốt nhất cho con chung của vợ chồng, áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình cần tiếp tục giao hai con chung nêu trên cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị T không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoàng T

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hoàng T được ly hôn anh Nguyễn Vĩnh Q.

- Về con chung: Tiếp tục giao hai con chung Nguyễn Vĩnh Gia H, sinh ngày 18/9/2016 và Nguyễn Vĩnh Quốc D, sinh ngày 02/6/2019 cho chị Trần Thị Hoàng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Vĩnh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha mẹ hoặc tổ chức cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con theo quy định của pháp luật.

[2] Án phí: Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Hoàng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002881 ngày 14/6/2024, chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung